TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 159/2022/DS-ST
Ngày: 16-9-2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thái Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Vô

2. Bà Trần Nguyệt Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 123/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2022/QĐST-DS ngày 19/8/2022:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; địa chỉ: Số 266 - 268 đường C, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ nhận văn bản: Số 474-476-478-480/2 đường F, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Thạch Ngọc B, sinh năm 1983 (Giấy ủy quyền số 330/2021/GUQ-CNQ10 ngày 18/11/2021) – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Châu Thị Bạch H, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 28 đường I, Phường J, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn tại đơn khởi kiện ngày 22/11/2021, trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án có ông Phạm Ngọc B là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 28/3/2019, bà Châu Thị Bạch H (Sau đây viết tắt là bị đơn) ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (Sau đây viết tắt là Nguyên đơn) Hợp đồng số 12890856 sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bị đơn, nguyên đơn đã đồng ý cấp thẻ tín dụng quốc tế VISA payWave Ladies First-NOTISSUE số 486265-0848 và phê duyệt hạn mức tín dụng với số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất áp dụng: 2.6%/tháng cho mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 871.378.868 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 778.500.903 đồng. Qua nhiều lần nguyên đơn làm việc, nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không có thiện chí trả nợ.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn vào ngày 23/02/2021 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 16/9/2022, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 184.311.183 đồng theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, trong đó:

+ Nợ gốc: 105.786.121 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 78.525.062 đồng;

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ của hợp đồng nêu trên tính đến ngày 16/9/2022 là 184.311.183 đồng, ngoài ra kể từ ngày 17/9/2022 bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của nguyên đơn cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn xác định chỉ cho cá nhân bị đơn vay nên chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân bị đơn trả nợ, không yêu cầu đối với ai khác.

Về phía bị đơn bà Châu Thị Bạch H, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định pháp luật nhưng bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi mặc

dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 5:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng mà bị đơn đã ký, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của nguyên đơn thì thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của nguyên đơn - Đây là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" là loại tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn cung cấp địa chỉ cư trú hiện tại của bị đơn bà Châu Thị Bạch H là số 28 đường I, Phường J, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo địa chỉ được bị đơn ghi trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng thể hiện bị đơn cư trú tại địa chỉ số 28 đường I, Phường J, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả trả lời của Công an Phường J, Quận K tại Văn bản số 28/2022/TAQ5 ngày 10/1/2022 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh thì đương sự Châu Thị Bạch H, sinh năm 1989 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ nêu trên từ ngày 15/10/2012 nhưng không thực tế cư trú tại địa phương từ năm 2014 đến nay. Hiện thực tế cư trú ở đâu không rõ.

Theo Công văn số 1735/QLXNC-P5 ngày 13/7/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Thành phố Hồ Chí Minh trả lời cho Công văn số 77/TAQ5 ngày 01/6/2022 của Tòa án nhân dân Quận 5, bị đơn bà Châu Thị Bạch H được cấp hộ chiếu số C7825974 ngày 17/7/2019, đã xuất nhập cảnh 01 lần, lần gần nhất nhập cảnh ngày 27/7/2019.

Căn cứ vào mục 10.2 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của nguyên đơn thì việc thay đổi thông tin chủ thẻ phải thông báo ngay cho đơn vị phát hành thẻ.

Vì vậy trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đúng và đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của bị đơn. Nay bị đơn vắng mặt tại địa phương nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

[1.3] Đối với nguyên đơn có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.4] Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và không phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vốn và lãi tính đến ngày 16/9/2022 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với số tiền là 184.311.183 đồng, trong đó nợ gốc là 105.786.121 đồng, nợ lãi quá hạn là 78.525.062 đồng; Yêu cầu trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra kể từ ngày 17/9/2022, bị đơn còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong

theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân cho đến khi thanh toán hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng do bị đơn yêu cầu và được Ngân hàng Thương mại Cổ phần A phê duyệt, tóm tắt sao kê thẻ tín dụng và các chứng cứ khác trong hồ sơ có cơ sở xác định bị đơn có đề nghị cấp thẻ tín dụng, đã được nguyên đơn chấp thuận phát hành và cho bị đơn sử dụng thẻ với hạn mức tín dụng là 100.000.000 đồng, lãi suất áp dụng 2.6%/tháng. Sau khi được cấp thẻ, bị đơn đã thực hiện các giao dịch và đã thanh toán được số tiền 778.500.903 đồng. Tính đến ngày 16/9/2022, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 184.311.183 đồng, trong đó nợ gốc là 105.786.121 đồng, nợ lãi quá hạn là 78.525.062 đồng.

[3.2] Căn cứ theo các điều khoản ký kết trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/3/2019 thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì "bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn". Đến nay bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ tính đến ngày 16/9/2022 số tiền là: 184.311.183 đồng (trong đó nợ gốc là 105.786.121 đồng, nợ lãi quá hạn là 78.525.062 đồng) là phù hợp với các điều khoản trong theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký kết, phù hợp Điều 22, 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân đính kèm theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm bị đơn vẫn phải trả lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A cho đến khi trả hết nợ.

[3.3] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên được chấp nhận nên phía bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là 9.215.559 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 68; khoản 4 Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí, lệ phí năm 2015 và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014;

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và bị đơn bà Châu Thị Bạch H.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

2.1. Buộc bà Châu Thị Bạch H phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền nợ tính đến ngày 16/9/2022 là 184.311.183 *(Một trăm tám mươi tư triệu ba trăm mười một nghìn một trăm tám mươi ba)* đồng, trong đó nợ gốc là 105.786.121 *(Một trăm lẻ năm triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn một trăm hai mươi mốt)* đồng, nợ lãi quá hạn là 78.525.062 *(Bảy mươi tám triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi hai)* đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

2.2. Kể từ ngày 17/9/2022, bà Châu Thị Bạch H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/3/2019 và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân cho đến khi thi hành án xong.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Châu Thị Bạch H phải chịu 9.215.559 *(Chín triệu hai trăm mười lăm nghìn năm trăm năm mươi chín)* đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 3.562.612 (*Ba triệu năm trăm sáu mươi hai ngàn sáu trăm mười hai*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0009618 ngày 09/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và bị đơn bà Châu Thị Bạch H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Q5;
- Chi cục THADS Q5;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Phương).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thái Hòa